TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ánh.
2. Ông Lê Văn Vững.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1996.
Địa chỉ: ấp 4, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Anh Trần Vũ L, sinh năm 1992.
Địa chỉ: ấp 4, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm N là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N, anh L tự nguyện yêu nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vả do anh L không có sự chia sẻ, thông cảm và bảo vệ tinh thần cho chị N trong gia đình. Chị N đã cố gắng chịu thiệt thòi, cay đắng do gia đình chồng xem thường, có nhiều lời nói

và thái độ khinh rẻ gia đình nhà cha mẹ chị N nghèo hèn,.. xem chị N như người sống bám nhờ gia đình chồng, trong khi đó bản thân chị N cũng đi làm công ty để kiếm tiền phụ kinh tế với chồng để lo cho gia đình và các con. Anh L không có sự thông cảm, chia sẻ, không động viên khích lệ cho vui vẻ, không giải quyết được những bất đồng trong gia đình mà còn nghe lời cha mẹ cũng xem thường chị N, chị N vô cùng tủi nhục và đau khổ. Chị N vì các con cố chịu đựng và hy vọng anh L chịu hiểu để yêu thương nhau chăm lo cho các con khôn lớn, nhưng chị N nhận thấy anh L ngày càng lạnh nhạt với chị N, không còn tình cảm vợ chồng. Thời gian gần đây khoảng hơn ba tháng nay anh L còn đi làm ăn xa biền biệt không còn gần gũi chung sống với chị N. Chị N nhiều lần điện thoại động viên anh L về làm ăn tại nhà để cùng chăm sóc con nhưng anh L không đồng ý. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Lin Đa, sinh ngày 10/7/2013, Trần Thị Tố Lăng, sinh ngày 07/9/2014. Hiện nay con chung sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Vũ L đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng anh L vắng mặt không có lý do, không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

+ Giấy CCCD của chị N (bản photo).

+ Giấy khai sinh con chung (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Cẩm N có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Trần Vũ L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

Anh Trần Vũ L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp 4, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh L tự nguyện yêu nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2015, do đó hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp. Chị N cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vả do anh L không có sự chia sẻ, thông cảm và bảo vệ tinh thần cho chị N trong gia đình. Chị N đã cố gắng chịu thiệt thòi, cay đắng do gia đình chồng xem thường, có nhiều lời nói và thái độ khinh rẻ gia đình nhà cha mẹ chị N nghèo hèn,.. xem chị N như người sống bám nhờ gia đình chồng, trong khi đó bản thân chị N cũng đi làm công ty để kiếm tiền phụ kinh tế với chồng để lo cho gia đình và các con. Anh L không có sự thông cảm, chia sẻ, không động viên khích lệ cho vui vẻ, không giải quyết được những bất đồng trong gia đình mà còn nghe lời cha mẹ cũng xem thường chị N, chị N vô cùng tủi nhục và đau khổ. Chị N vì các con cố chịu đựng và hy vọng anh L chịu hiểu để yêu thương nhau chăm lo cho các con khôn lớn, nhưng chị N nhận thấy anh L ngày càng lạnh nhạt với chị N, không còn tình cảm vợ chồng. Thời gian gần đây khoảng hơn ba tháng nay anh L còn đi làm ăn xa biền biệt không còn gần gũi chung sống với chị N. Chị N nhiều lần điện thoại động viên anh L về làm ăn tại nhà để cùng chăm sóc con nhưng anh L không đồng ý. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Trần Vũ L tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Xét thấy giữa chị N và anh L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh L mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm N

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Lin Đa, sinh ngày 10/7/2013, Trần Thị Tố Lăng, sinh ngày 07/9/2014. Hiện nay con chung sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho chị N hay anh L nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cho rằng con chung đang sinh sống với chị N và chị N có yêu cầu nuôi hai con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật. Anh L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con* ".

Xét thấy từ khi chị N, anh L xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị N là người trực tiếp chăm sóc con chung. Bên cạnh đó theo văn bản ghi ý kiến của con chung thì con chung có nguyện vọng được sống với chị N. Do đó để con chung tên Trần Thị Lin Đa, sinh ngày 10/7/2013, Trần Thị Tố Lăng, sinh ngày 07/9/2014 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi con chung bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở, tương ứng với thời gian thi hành án thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 4/2024 cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; anh L không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh L không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Chị N, anh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn với anh Trần Vũ L.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Lin Đa, sinh ngày 10/7/2013, Trần Thị Tố Lăng, sinh ngày 07/9/2014. Anh L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi con chung bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở, tương ứng với thời gian thi hành án thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 4/2024 cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; anh L không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh L không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002583 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Như vậy tiền án phí chị N đã nộp xong.

Anh L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Toà án Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Giấy CNKH số 32 ngày 10/4/2015);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Đ).

(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Ngọc